TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST.
Ngày 17/6/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại hai điểm cầu:

a/ Điểm cầu Trung tâm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

b/ Điểm cầu thành phần: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang, huyện cầu ngang, tỉnh Trà Vinh.

Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-DS, ngày 22/01/2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Địa chỉ: Số 266- 268, đường N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D:* Ông Phạm Trung Ngọc H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Cầu Ngang. Theo Quyết định số 3525/QĐ- PC, ngày 25/12/2023 về việc ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông Phạm Trung Ngọc H: Ông Trần Đa R, chức vụ Phó phòng giao dịch Cầu Ngang thuộc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh (văn bản ủy quyền đề ngày 27/02/2024). Có mặt.

Bị đơn:

- Bà Kiên Thị L, sinh năm 1971. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

- Ông Kiên L, sinh năm 1978. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đa R đại diện cho nguyên đơn trình bày:

1. Đối với khoản vay có thế chấp tài sản:

Đại diện Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang có ký kết hợp đồng với bà Kiên Thị L và ông Kiên L cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 202126064105 ngày 01/04/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang với bà Kiên Thị L và ông Kiên L.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126064105 ngày 01/04/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang với bà Kiên Thị L.

- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 202126064105, ngày 09/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang với bà Kiên Thị L và ông Kiên L.

- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số PL01/202126064105, ngày 09/05/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang với bà Kiên Thị L.

- Giấy nhận nợ số: LD2313900359, ngày 19/05/2023 thể hiện như sau:

Ngày 19/5/2023 nguyên đơn có cho bà Kiên Thị L và ông Kiên L vay số tiền gốc là 230.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định trong hợp đồng, kỳ hạn vay 12 tháng tính từ ngày 19/5/2023 (Theo giấy nhận nợ số: LD2313900359 ngày 19/05/2023), phương thức trả tiền lãi: Định kỳ 03 tháng trả lãi suất 01 lần vào ngày 20 của tháng thứ 03 (tháng cuối kỳ), còn vốn gốc phải trả 01 lần khi đến kỳ hạn trả nợ.

Để đảm bảo số tiền vay, bà Kiên Thị L có thế chấp thửa đất số: 323, diện tích 4.870m^2, loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số: 4, tọa lạc ấp T, xã

K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Kiên Thị L ngày 30/11/2020 (chỉnh trang tư) theo hồ sơ số 039081.TA.013. Hợp đồng thế chấp được công chứng theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà L và ông L không đóng lãi suất lần nào cả, mặt dù Ngân hàng có cử Cán bộ tín dụng đòi nợ nhiều lần, nhưng bà L và ông L không trả. Tính đến ngày 02/11/2023 bà Kiên Thị L và ông Kiên L còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi suất là: 244.498.583 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 230.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 14.257.561 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 241.022 đồng. Nay ông Trần Đa R đại diện cho nguyên đơn yêu cầu giải quyết:

- Buộc bà Kiên Thị L, ông Kiên L trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 02/11/2023 là 244.498.583 đồng. Trong đó nợ gốc 230.000.000 đồng; lãi trong hạn là 14.257.561 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 241.022 đồng.

- Buộc bà Kiên Thị L và ông Kiên L phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay số 202126064105 ngày 01/04/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/202126064105, ngày 09/05/2022.

- Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Thửa đất số: 323, diện tích 4.870m^2, loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số: 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Kiên Thị L ngày 30/11/2020 (chỉnh trang tư) theo hồ sơ số 039081.TA.013.

2. Đối với khoản vay tín chấp:

Đại diện Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh có ký kết hợp đồng với ông Kiên L cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 202226590959 ngày 14/04/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang với ông Kiên L; Giấy nhận nợ số: LD2210400860 ngày 14/04/2022 thể hiện như sau:

Ngày 14/4/2022 nguyên đơn có cho ông Kiên L vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán bánh tét, lãi suất: 11,3%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ trả gốc và lãi suất hàng tháng theo dư nợ giảm dần, trả vào ngày 20 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Kiên L có đóng lãi suất và trả vốn gốc đến ngày 07/9/2023, sau đó thì ngưng không đóng lãi suất, không trả vốn gốc đúng theo cam kết trong hợp đồng, Ngân hàng có cử cán bộ tín dụng đòi nợ nhiều lần, nhưng ông Kiên L không trả. Tính đến ngày 02/11/2023 ông Kiên L còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi suất là: 105.098.655 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 102.656.000 đồng; lãi trong hạn: 2.399.348 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 43.307 đồng. Nay ông Trần Đa R đại diện cho nguyên đơn yêu cầu giải quyết:

- Buộc ông Kiên L phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 105.098.655 đồng, trong đó: Nợ gốc là 102.656.000 đồng; lãi trong hạn là 2.399.348 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 43.307 đồng.

- Buộc ông Kiên L phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202226590959 ngày 14/04/2022.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác

Tại phiên tòa xét xử lần thứ 02, ông Kiên Linh và bà Kiên Thị L đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt hợp lệ theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh.

1. Đối với khoản vay có thế chấp tài sản:

- Buộc bà Kiên Thị L và ông Kiên L phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023: Nợ gốc là 230.000.000 đồng; lãi trong hạn là 14.257.561 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 241.022 đồng.

- Buộc bà L và ông L phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay số 202126064105 ngày 01/04/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/202126064105, ngày 09/05/2022.

- Phát mãi tài sản thế chấp: Thửa đất số: 323, diện tích 4870,0 m^2, loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số: 4, tọa lạc ấp Trà Cuôn, xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Kiên Thị L ngày 30/11/2020 (chỉnh trang tư) theo hồ sơ số 039081.TA.013, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Đối với khoản vay tín chấp: Buộc ông Kiên L trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023: Nợ gốc là 102.656.000 đồng; lãi trong hạn: 2.399.348 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn: 43.307 đồng. Buộc ông Kiên L phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202226590959 ngày 14/04/2022.

Buộc Kiên Thị L và ông Kiên L phải chịu chi phí tố tụng và nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa xét xử lần thứ 02, bị đơn ông Kiên L và bà Kiên Thị L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh khởi kiện ông L, bà L yêu cầu trả vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn, tiền lãi suất phát sinh và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh đối với ông Kiên L và bà Kiên Thị L 02 khoản tiền vay cụ thể như sau:

3.1. Đối với khoản vay có thế chấp tài sản:

- *Về hợp đồng vay tài sản:* Xét thấy ngày 19/5/2023 Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang có cho bà Kiên Thị L và ông Kiên L vay số tiền gốc là 230.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định trong hợp đồng, kỳ hạn vay 12 tháng, phương thức trả tiền lãi: Định kỳ 03 tháng trả lãi suất 01 lần vào ngày 20 của tháng thứ 03 (tháng cuối kỳ), còn vốn gốc phải trả 01 lần khi đến kỳ hạn trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà L không trả lãi suất lần nào, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tính đến ngày 02/11/2023 ông L, bà L còn nợ tiền gốc là 230.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 14.257.561 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 241.022 đồng. Nay ông Trần Đa R đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông L, bà L phải trả các khoản nợ này và trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay số 202126064105 ngày 01/04/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/202126064105, ngày 09/05/2022, là hoàn toàn có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về hợp đồng thế chấp tài sản:* Xét thấy bà Kiên Thị L có thế chấp thửa đất số: 323, diện tích 4.870m^2, loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số: 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Kiên Thị L ngày 30/11/2020 (chỉnh trang tư) để bảo đảm số tiền vay. Bà L và đại diện Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp, hợp đồng được công chứng và có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh huyện Cầu Ngang là đúng quy định của pháp luật. Do ông L, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ đó ông Trần Đa R đại diện cho Ngân hàng yêu cầu phát mãi thửa đất số 323 để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 299 và Điều 323 của Bộ luật dân sự và được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

3.2. Đối với khoản vay tín chấp: Xét thấy vào ngày 14/4/2022 Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang có cho ông Kiên L vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán bánh tét, lãi suất: 11,3%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ gốc và lãi suất hàng tháng theo dư nợ giảm dần, trả vào ngày 20 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp

đồng ông Kiên L có đóng lãi suất và trả vốn gốc đến ngày 07/9/2023, sau đó thì không đóng lãi suất, không trả vốn gốc đúng theo cam kết trong hợp đồng, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tính đến ngày 02/11/2023 ông Kiên L còn nợ vốn gốc là 102.656.000 đồng; lãi trong hạn: 2.399.348 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn là 43.307 đồng. Nay ông Trần Đa R đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông kiên l phải trả các khoản nợ này đồng thời phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202226590959 ngày 14/04/2022. Là hoàn toàn có căn cứ và được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án do phía bị đơn vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ, đại diện nguyên đơn làm đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chổ tài sản thế chấp là đúng quy định pháp luật, tổng chi phí là 300.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông L, bà L phải chịu chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí: Buộc ông Kiên L và bà Kiên Thị L có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật. Ngân hàng TMCP S chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch Cầu Ngang, không phải chịu án phí và sẽ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí.

[6]. Xét lời của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang phát biểu về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự và ý kiến về giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 92, các Điều 147, 157, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 299, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang.

1. Đối với khoản vay có thế chấp tài sản:

- Buộc ông Kiên L và bà Kiên Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 244.498.583 đồng. Trong đó nợ gốc: 230.000.000 đồng; lãi trong hạn: 14.257.561 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn: 241.022 đồng.

- Buộc ông Kiên L và bà Kiên Thị L phải trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo Lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay

số 202126064105 ngày 01/04/2021 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số TT01/202126064105, ngày 09/05/2022.

- Phát mãi thửa đất số: 323, diện tích 4870,0 m^2, loại đất: Đất trồng lúa nước còn lại, tờ bản đồ số: 4, tọa lạc ấp T, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Kiên Thị L ngày 30/11/2020 (chỉnh trang tư) theo hồ sơ số 039081.TA.013, để thu hồi vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

2. Đối với khoản vay tín chấp:

- Buộc ông Kiên L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 105.098.655 đồng. Trong đó nợ gốc: 102.656.000 đồng; lãi trong hạn: 2.399.348 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn: 43.307 đồng.

- Buộc ông Kiên L phải trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo Lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202226590959 ngày 14/04/2022.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Kiên L và bà Kiên Thị L nộp có nghĩa vụ liên đới nộp 12.224.929 đồng (*Mười hai triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi chín đồng*) án phí.

- Buộc ông Kiên L nộp 5.254.932 đồng (*Năm triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*) án phí

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang 8.739.932 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001068, ngày 16/01/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang không phải chịu chi phí tố tụng. Buộc ông Kiên L và bà Kiên Thị L nộp 300.000 đồng tiền chi phí tố tụng để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh Trà Vinh – Phòng Giao dịch Cầu Ngang.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.